



BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP.HCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH SINH VIÊN (DỰ KIẾN) ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC XÉT
HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP HK 2 (2023-2024)**

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Lớp	Khoa học	Số TC	Điểm TBHT	Điểm RL	XLHB	Học phí đã đóng	Phần trăm số tiền học bổng	Số tiền	Ghi chú
1	2003202035	NGUYỄN XUÂN	TRƯỜNG	Lớp 11DHCK2	2020 -2024	35	8.01	70	Khá	22,946,000	40%	9,178,400	
2	2003207564	HỒ MINH	VŨ	Lớp 11DHCK1	2020 -2024	24	8.1	70	Khá	15,480,000	40%	6,192,000	
3	2003203001	PHẠM TUẤN	KHANG	Lớp 11DHCK2	2020 -2024	31	8.14	70	Khá	19,922,000	40%	7,968,800	
4	2003209001	Nguyễn Hoài	Thanh	Lớp 11DHCK1	2020 -2024	31	8.15	70	Khá	20,279,900	40%	8,111,960	
5	2003207553	NGUYỄN HOÀI	NAM	Lớp 11DHCK2	2020 -2024	28	8.15	70	Khá	17,640,000	40%	7,056,000	
6	2025207666	NGUYỄN MINH ANH	TUẤN	Lớp 11DHCDT2	2020 -2024	27	8.21	74	Khá	17,010,000	40%	6,804,000	
7	2003207571	HUỖNH NHẬT	TRƯỜNG	Lớp 11DHCK2	2020 -2024	33	8.23	70	Khá	21,246,000	40%	8,498,400	
8	2003202028	NGUYỄN VĂN	THANH	Lớp 11DHCK2	2020 -2024	30	8.23	70	Khá	19,260,000	40%	7,704,000	
9	2003200201	ĐOÀN DUY	LỰC	Lớp 11DHCK1	2020 -2024	33	8.25	70	Khá	21,770,000	40%	8,708,000	
10	2025207697	HỒ TRỌNG	TUẤN	Lớp 11DHCDT3	2020 -2024	31	8.28	70	Khá	19,562,000	40%	7,824,800	
11	2003207558	ĐẶNG TRỌNG	THUẬN	Lớp 11DHCK1	2020 -2024	24	8.28	102	Giỏi	15,480,000	60%	9,288,000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Lớp	Khoa học	Số TC	Điểm TBHT	Điểm RL	XLHB	Học phí đã đóng	Phần trăm số tiền học bổng	Số tiền	Ghi chú
12	2003204509	ĐỖ QUANG	TRƯỜNG	Lớp 11DHCK1	2020 -2024	30	8.32	70	Khá	19,260,000	40%	7,704,000	
13	2003207631	NGUYỄN ĐỨC	TUYỀN	Lớp 11DHCK2	2020 -2024	27	8.32	70	Khá	17,370,000	40%	6,948,000	
14	2003200004	NGUYỄN TRẦN NHẬT	MINH	Lớp 11DHCK1	2020 -2024	34	8.36	70	Khá	22,660,000	40%	9,064,000	
15	2003202022	NÔNG NHẬT	PHẨM	Lớp 11DHCK2	2020 -2024	29	8.38	70	Khá	18,694,000	40%	7,477,600	
16	2003202034	TRẦN	TRUNG	Lớp 11DHCK1	2020 -2024	30	8.41	85	Giỏi	19,260,000	60%	11,556,000	
17	2003202011	LÊ QUỐC	DUY	Lớp 11DHCK2	2020 -2024	33	8.42	78	Khá	21,179,800	40%	8,471,920	
18	2003202008	TRẦN ĐỨC	DUY	Lớp 11DHCK1	2020 -2024	30	8.46	70	Khá	19,260,000	40%	7,704,000	
19	2003200052	NGUYỄN TRẦN ANH	DUY	Lớp 11DHCK1	2020 -2024	31	8.5	70	Khá	20,070,000	40%	8,028,000	
20	2025207749	NGUYỄN QUANG	MINH	Lớp 11DHCDT3	2020 -2024	27	8.51	70	Khá	17,010,000	40%	6,804,000	
21	2003200024	NGUYỄN VĂN	VIỄN	Lớp 11DHCK1	2020 -2024	35	8.52	70	Khá	23,322,000	40%	9,328,800	
22	2003209800	PHAN THANH	HUY	Lớp 11DHCK2	2020 -2024	32	8.52	70	Khá	20,926,000	40%	8,370,400	
23	2025200085	QUAN NGỌC	LÂM	Lớp 11DHCDT1	2020 -2024	30	8.53	70	Khá	18,900,000	40%	7,560,000	
24	2003207569	HUỖNH GIA	THUẬN	Lớp 11DHCK2	2020 -2024	24	8.53	78	Khá	15,480,000	40%	6,192,000	
25	2003200127	PHÙNG BÁ	PHÁT	Lớp 11DHCK1	2020 -2024	34	8.63	70	Khá	22,290,000	40%	8,916,000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Lớp	Khoa học	Số TC	Điểm TBHT	Điểm RL	XLHB	Học phí đã đóng	Phần trăm số tiền học bổng	Số tiền	Ghi chú
26	2025207674	TRẦN THANH	NAM	Lớp 11DHCDT2	2020 -2024	27	8.64	70	Khá	17,010,000	40%	6,804,000	
27	2003200211	PHAN ANH	VŨ	Lớp 11DHCK1	2020 -2024	30	8.67	70	Khá	19,260,000	40%	7,704,000	
28	2003207603	TRẦN KHÁNH	DUY	Lớp 11DHCK2	2020 -2024	29	8.67	70	Khá	19,070,000	40%	7,628,000	
29	2003202023	ĐỖ GIA	PHÚ	Lớp 11DHCK2	2020 -2024	29	8.7	70	Khá	18,694,000	40%	7,477,600	
30	2003200010	NGUYỄN VĂN	PHUỘNG	Lớp 11DHCK1	2020 -2024	32	8.76	103	Giỏi	20,584,000	60%	12,350,400	
31	2003200107	LŨ VĂN KHÁNH	LINH	Lớp 11DHCK1	2020 -2024	30	8.78	70	Khá	19,260,000	40%	7,704,000	
32	2003200215	VÕ HOÀNG	VIỆT	Lớp 11DHCK2	2020 -2024	30	8.79	80	Giỏi	19,260,000	60%	11,556,000	
33	2003200009	DƯƠNG NGỌC	VINH	Lớp 11DHCK1	2020 -2024	27	8.82	70	Khá	17,370,000	40%	6,948,000	
34	2003202004	PHÙNG TRẦN	CHÍNH	Lớp 11DHCK2	2020 -2024	30	8.86	70	Khá	19,356,000	40%	7,742,400	
35	2025207681	PHẠM TRUNG	TÍN	Lớp 11DHCDT3	2020 -2024	27	8.93	84	Giỏi	17,010,000	60%	10,206,000	
36	2025202052	TRẦN QUAN	SỰ	Lớp 11DHCDT2	2020 -2024	27	8.94	70	Khá	17,010,000	40%	6,804,000	
37	2003204611	NGÔ GIA	HUY	Lớp 11DHCK2	2020 -2024	30	9.13	70	Khá	19,260,000	40%	7,704,000	
38	2003207577	TRẦN VĂN	KHÁNH	Lớp 11DHCK2	2020 -2024	24	9.17	105	Xuất sắc	15,480,000	100%	15,480,000	
39	2003200045	TỪ HUỖNH THANH	QUANG	Lớp 11DHCK1	2020 -2024	32	9.34	90	Xuất sắc	20,584,000	100%	20,584,000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Lớp	Khoa học	Số TC	Điểm TBHT	Điểm RL	XLHB	Học phí đã đóng	Phần trăm số tiền học bổng	Số tiền	Ghi chú
40	2025207683	NGUYỄN TRUNG	KIÊN	Lớp 11DHCDT2	2020 -2024	28	9.34	86	Giỏi	17,640,000	60%	10,584,000	
41	2025200202	PHÙNG QUANG	MINH	Lớp 11DHCDT1	2020 -2024	30	9.38	70	Khá	18,900,000	40%	7,560,000	
42	2003200037	PHAN MINH	QUANG	Lớp 11DHCK1	2020 -2024	30	9.39	78	Khá	19,260,000	40%	7,704,000	
43	2025200044	NGUYỄN PHƯỚC ĐỊNH	PHÚC	Lớp 11DHCDT1	2020 -2024	30	9.47	70	Khá	18,900,000	40%	7,560,000	
44	2025200107	NGUYỄN THÀNH	TRUNG	Lớp 11DHCDT1	2020 -2024	29	9.54	98	Xuất sắc	18,710,000	100%	18,710,000	
45	2025211836	Lê Anh	Vũ	Lớp 12DHCDT03	2021 - 2025	18	7.07	79	Khá	13,211,500	40%	5,284,600	
46	2025216825	Lê Anh	Duy	Lớp 12DHCDT02	2021 - 2025	24	7.1	74	Khá	17,383,800	40%	6,953,520	
47	2003216717	Nguyễn Hữu Hoàng	Nhật	Lớp 12DHCK02	2021 - 2025	18	7.16	89	Khá	13,353,800	40%	5,341,520	
48	2025216977	Nguyễn Văn	Thành	Lớp 12DHCDT04	2021 - 2025	18	7.19	85	Khá	12,737,800	40%	5,095,120	
49	2025216936	Phạm Minh	Nhật	Lớp 12DHCDT03	2021 - 2025	21	7.3	86	Khá	15,566,500	40%	6,226,600	
50	2003216642	Phan Văn	Đạt	Lớp 12DHCK02	2021 - 2025	16	7.34	74	Khá	12,006,000	40%	4,802,400	
51	2003210054	Nguyễn Minh	Quân	Lớp 12DHCK01	2021 - 2025	20	7.37	70	Khá	14,368,000	40%	5,747,200	
52	2003210409	Trịnh Thanh	Phong	Lớp 12DHCK03	2021 - 2025	18	7.43	89	Khá	13,340,000	40%	5,336,000	
53	2025216952	Nguyễn Hoàng Thiên	Phúc	Lớp 12DHCDT02	2021 - 2025	20	7.46	82	Khá	14,156,000	40%	5,662,400	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Lớp	Khoa học	Số TC	Điểm TBHT	Điểm RL	XLHB	Học phí đã đóng	Phần trăm số tiền học bổng	Số tiền	Ghi chú
54	2025216804	Huỳnh Quang	Anh	Lớp 12DHCDT02	2021 - 2025	15	7.49	70	Khá	10,618,000	40%	4,247,200	
55	2025217015	Mã Anh	Tuấn	Lớp 12DHCDT04	2021 - 2025	22	7.51	74	Khá	15,625,800	40%	6,250,320	
56	2025216915	Bùi Văn	Mẫn	Lớp 12DHCDT03	2021 - 2025	18	7.53	82	Khá	12,977,800	40%	5,191,120	
57	2025211066	Nguyễn Nhật	Quang	Lớp 12DHCDT04	2021 - 2025	17	7.55	73	Khá	11,330,000	40%	4,532,000	
58	2025210050	Chương Vĩ	Bình	Lớp 12DHCDT01	2021 - 2025	24	7.57	74	Khá	17,340,000	40%	6,936,000	
59	2025216981	Cao Quốc	Thắng	Lớp 12DHCDT03	2021 - 2025	21	7.66	81	Khá	15,797,000	40%	6,318,800	
60	2025216861	Hoàng Văn	Hiệu	Lớp 12DHCDT03	2021 - 2025	18	7.66	77	Khá	13,211,500	40%	5,284,600	
61	2025216862	Nguyễn Thiện Bảo	Hòa	Lớp 12DHCDT03	2021 - 2025	18	7.73	70	Khá	12,739,600	40%	5,095,840	
62	2003216652	Huỳnh Minh	Hải	Lớp 12DHCK02	2021 - 2025	23	7.74	95	Khá	16,893,600	40%	6,757,440	
63	2042211702	Trần Văn	Triều	Lớp 12DHKTN	2021 - 2025	19	7.78	155	Khá	14,098,000	40%	5,639,200	
64	2025211068	Nguyễn Viết	Duy	Lớp 12DHCDT04	2021 - 2025	19	7.85	100	Khá	14,073,800	40%	5,629,520	
65	2025210041	Nguyễn Thành	Luân	Lớp 12DHCK02	2021 - 2025	18	7.87	77	Khá	13,340,000	40%	5,336,000	
66	2025210127	Hồ Ngọc	Thạch	Lớp 12DHCDT01	2021 - 2025	22	7.89	86	Khá	15,949,800	40%	6,379,920	
67	2025210055	Phan Đình Nhật	Phong	Lớp 12DHCDT03	2021 - 2025	21	7.9	67	Khá	15,782,000	40%	6,312,800	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Lớp	Khoa học	Số TC	Điểm TBHT	Điểm RL	XLHB	Học phí đã đóng	Phần trăm số tiền học bổng	Số tiền	Ghi chú
68	2003210405	Huỳnh Trúc	Uyên	Lớp 12DHCK03	2021 - 2025	18	7.95	77	Khá	13,340,000	40%	5,336,000	
69	2025216922	Nguyễn Hoài	Nam	Lớp 12DHCDT02	2021 - 2025	19	7.97	70	Khá	13,905,000	40%	5,562,000	
70	2003210401	Tô Văn	Bằng	Lớp 12DHCK03	2021 - 2025	18	7.97	76	Khá	13,147,500	40%	5,259,000	
71	2025217012	Nguyễn Hoàng	Trung	Lớp 12DHCDT04	2021 - 2025	21	7.98	74	Khá	15,480,000	40%	6,192,000	
72	2025211065	Nguyễn Ngọc	Trung	Lớp 12DHCDT04	2021 - 2025	20	7.99	76	Khá	14,364,800	40%	5,745,920	
73	2025216909	Nguyễn Thành	Luân	Lớp 12DHCDT02	2021 - 2025	22	8	92	Giỏi	15,749,800	60%	9,449,880	
74	2042210043	Võ Văn Hoài	Yên	Lớp 12DHKTN	2021 - 2025	18	8.03	97	Giỏi	13,608,000	60%	8,164,800	
75	2025210152	Nguyễn Tiến	Tùng	Lớp 12DHCDT02	2021 - 2025	22	8.04	91	Giỏi	15,625,800	60%	9,375,480	
76	2025210436	Nguyễn Văn	Hiếu	Lớp 12DHCDT04	2021 - 2025	18	8.07	78	Khá	12,977,800	40%	5,191,120	
77	2025217010	Nguyễn Phương	Trinh	Lớp 12DHCDT04	2021 - 2025	16	8.08	70	Khá	11,857,800	40%	4,743,120	
78	2042210701	Nguyễn Vũ	Hòa	Lớp 12DHKTN	2021 - 2025	20	8.11	74	Khá	15,178,000	40%	6,071,200	
79	2025210048	Trần Minh	Kha	Lớp 12DHCDT01	2021 - 2025	19	8.12	74	Khá	14,307,500	40%	5,723,000	
80	2042210693	Nguyễn Tuấn	Kiệt	Lớp 12DHKTN	2021 - 2025	18	8.13	89	Giỏi	13,608,000	60%	8,164,800	
81	2042210054	Nguyễn Hữu	Phước	Lớp 12DHKTN	2021 - 2025	18	8.18	101	Giỏi	13,608,000	60%	8,164,800	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Lớp	Khoa học	Số TC	Điểm TBHT	Điểm RL	XLHB	Học phí đã đóng	Phần trăm số tiền học bổng	Số tiền	Ghi chú
82	2042210057	Sin Thăng	Long	Lớp 12DHKTN	2021 - 2025	18	8.21	101	Giỏi	13,608,000	60%	8,164,800	
83	2025210128	Văn Quốc	Thịnh	Lớp 12DHCDT01	2021 - 2025	23	8.24	142	Giỏi	16,844,800	60%	10,106,880	
84	2025210415	Nguyễn Đức	Duy	Lớp 12DHCDT03	2021 - 2025	20	8.24	122	Giỏi	14,723,500	60%	8,834,100	
85	2025211677	Trần Tuấn	Khải	Lớp 12DHCDT01	2021 - 2025	25	8.29	81	Giỏi	18,375,300	60%	11,025,180	
86	2025210445	Trương Vĩnh	Đạt	Lớp 12DHCDT03	2021 - 2025	18	8.31	101	Giỏi	13,211,500	60%	7,926,900	
87	2003210408	Vũ Quang	Trung	Lớp 12DHCK03	2021 - 2025	21	8.33	78	Khá	15,455,800	40%	6,182,320	
88	2003216684	Trần Minh Ngọc	Khánh	Lớp 12DHCK03	2021 - 2025	23	8.37	81	Giỏi	16,746,000	60%	10,047,600	
89	2025211524	Huỳnh Văn	Tài	Lớp 12DHCDT01	2021 - 2025	29	8.39	80	Giỏi	21,383,500	60%	12,830,100	
90	2025211080	Trần Quốc	An	Lớp 12DHCDT04	2021 - 2025	18	8.42	129	Giỏi	13,044,000	60%	7,826,400	
91	2025210420	Nguyễn Hữu Duy	Phong	Lớp 12DHCDT03	2021 - 2025	20	8.7	104	Giỏi	13,992,000	60%	8,395,200	
92	2025210358	Trần Quốc	Khôi	Lớp 12DHCDT04	2021 - 2025	18	8.71	106	Giỏi	13,211,500	60%	7,926,900	
93	2025211072	Đỗ Đức	Tín	Lớp 12DHCDT04	2021 - 2025	20	8.92	129	Giỏi	14,301,800	60%	8,581,080	
94	2025222388	Trịnh Nghĩa	Linh	Lớp 13DHCDT02	2022 - 2026	16	7.28	77	Khá	11,812,000	40%	4,724,800	
95	2025221324	Nguyễn Văn	Hậu	Lớp 13DHCDT01	2022 - 2026	18	7.54	73	Khá	13,272,000	40%	5,308,800	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Lớp	Khoa học	Số TC	Điểm TBHT	Điểm RL	XLHB	Học phí đã đóng	Phần trăm số tiền học bổng	Số tiền	Ghi chú
96	2042221688	Nguyễn Hoàng	Huy	Lớp 13DHKTN01	2022 - 2026	21	7.6	74	Khá	15,982,000	40%	6,392,800	
97	2025220451	Lê Đại Phú	Cường	Lớp 13DHCDT01	2022 - 2026	20	7.62	70	Khá	14,586,000	40%	5,834,400	
98	2042226283	Vô Hoàng	Nhật	Lớp 13DHKTN02	2022 - 2026	17	7.65	78	Khá	12,952,000	40%	5,180,800	
99	2025225710	Hoàng Xuân	Trương	Lớp 13DHCDT02	2022 - 2026	17	7.66	92	Khá	12,337,000	40%	4,934,800	
100	2025221895	Nguyễn Tuấn	Kiệt	Lớp 13DHCDT02	2022 - 2026	17	7.69	79	Khá	12,337,000	40%	4,934,800	
101	2042223703	Trần Quang	Phú	Lớp 13DHKTN01	2022 - 2026	23	7.69	78	Khá	17,526,000	40%	7,010,400	
102	2025223061	Trần Quốc	Ngọc	Lớp 13DHCDT02	2022 - 2026	16	7.78	82	Khá	11,812,000	40%	4,724,800	
103	2025222469	Nguyễn Hữu	Lộc	Lớp 13DHCDT01	2022 - 2026	18	7.81	70	Khá	13,272,000	40%	5,308,800	
104	2042223571	Lê Tuấn	Oanh	Lớp 13DHKTN01	2022 - 2026	19	7.83	74	Khá	14,522,000	40%	5,808,800	
105	2025220452	Nguyễn Thiên	Cường	Lớp 13DHCDT01	2022 - 2026	20	7.88	70	Khá	14,659,000	40%	5,863,600	
106	2025223645	Nguyễn Chí	Phi	Lớp 13DHCDT02	2022 - 2026	21	7.89	70	Khá	15,872,000	40%	6,348,800	
107	2025220704	Vô Hoàng	Duy	Lớp 13DHCDT01	2022 - 2026	23	7.9	70	Khá	17,442,000	40%	6,976,800	
108	2025221986	Bàng Kiến	Khang	Lớp 13DHCDT01	2022 - 2026	18	7.92	70	Khá	13,382,000	40%	5,352,800	
109	2025220944	Vô Thành	Đạt	Lớp 13DHCDT02	2022 - 2026	18	8	82	Giỏi	13,199,000	60%	7,919,400	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Lớp	Khoa học	Số TC	Điểm TBHT	Điểm RL	XLHB	Học phí đã đóng	Phần trăm số tiền học bổng	Số tiền	Ghi chú
110	2025224413	Võ Minh	Tiến	Lớp 13DHCDT02	2022 - 2026	22	8.01	148	Giỏi	16,398,000	60%	9,838,800	
111	2025221369	Phan Bá	Hiền	Lớp 13DHCDT02	2022 - 2026	18	8.06	70	Khá	13,199,000	40%	5,279,600	
112	2025221874	Lê Quốc	Kiên	Lớp 13DHCDT01	2022 - 2026	20	8.11	82	Giỏi	14,586,000	60%	8,751,600	
113	2025225878	Nguyễn Hải	Vinh	Lớp 13DHCDT02	2022 - 2026	20	8.17	92	Giỏi	15,102,000	60%	9,061,200	
114	2042221107	Nguyễn Văn	Hà	Lớp 13DHKTN01	2022 - 2026	17	8.17	86	Giỏi	12,952,000	60%	7,771,200	
115	2025221579	Phan Thanh	Hùng	Lớp 13DHCDT02	2022 - 2026	18	8.18	77	Khá	13,272,000	40%	5,308,800	
116	2025224652	Nguyễn Vũ Duy	Thái	Lớp 13DHCDT01	2022 - 2026	18	8.31	88	Giỏi	13,199,000	60%	7,919,400	
117	2025220999	Đỗ Phương	Đông	Lớp 13DHCDT02	2022 - 2026	18	8.41	74	Khá	13,199,000	40%	5,279,600	
118	2025224920	Nguyễn Hoàng	Thiết	Lớp 13DHCDT01	2022 - 2026	19	8.58	88	Giỏi	14,167,000	60%	8,500,200	
119	2025222204	Nguyễn Thanh	Lâm	Lớp 13DHCDT01	2022 - 2026	16	8.69	76	Khá	11,812,000	40%	4,724,800	
120	2025230210	Phạm Quốc	Thái	Lớp 14DHCDT02	2023 - 2027	14	7.11	74	Khá	11,205,000	40%	4,482,000	
121	2025230221	Nguyễn Hoàng Quốc	Thịnh	Lớp 14DHCDT03	2023 - 2027	14	7.19	70	Khá	11,126,500	40%	4,450,600	
122	2025230106	Huỳnh Đăng	Khôi	Lớp 14DHCDT03	2023 - 2027	14	7.26	78	Khá	11,126,500	40%	4,450,600	
123	2025230168	Nguyễn Hoàng	Phúc	Lớp 14DHCDT01	2023 - 2027	14	7.44	77	Khá	11,205,000	40%	4,482,000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Lớp	Khoa học	Số TC	Điểm TBHT	Điểm RL	XLHB	Học phí đã đóng	Phần trăm số tiền học bổng	Số tiền	Ghi chú
124	2025230140	Dương Văn Đình	Nghĩa	Lớp 14DHCDT02	2023 - 2027	14	7.44	76	Khá	11,126,500	40%	4,450,600	
125	2025230087	Bùi Huỳnh Trung	Kiên	Lớp 14DHCDT02	2023 - 2027	14	7.47	89	Khá	11,205,000	40%	4,482,000	
126	2025230093	Phạm Anh	Kiệt	Lớp 14DHCDT01	2023 - 2027	14	7.48	70	Khá	10,959,000	40%	4,383,600	
127	2003230035	Quách Trọng	Đạo	Lớp 14DHCK02	2023 - 2027	14	7.51	70	Khá	11,205,000	40%	4,482,000	
128	2025230193	Nguyễn Văn	Tín	Lớp 14DHCDT02	2023 - 2027	14	7.6	108	Khá	11,126,500	40%	4,450,600	
129	2025230031	Lê Phạm Trùng	Dương	Lớp 14DHCDT01	2023 - 2027	14	7.8	70	Khá	11,205,000	40%	4,482,000	
130	2025230188	Lê Minh	Tân	Lớp 14DHCDT02	2023 - 2027	14	7.82	82	Khá	10,959,000	40%	4,383,600	
131	2025230012	Phạm Tuấn	Anh	Lớp 14DHCDT02	2023 - 2027	14	7.83	70	Khá	11,205,000	40%	4,482,000	
132	2025230194	Phan Trung	Tín	Lớp 14DHCDT02	2023 - 2027	14	7.97	70	Khá	11,205,000	40%	4,482,000	
133	2025230054	Vũ Xuân	Hiệp	Lớp 14DHCDT02	2023 - 2027	14	7.99	70	Khá	11,126,500	40%	4,450,600	
134	2025230197	Nguyễn Mạnh	Toàn	Lớp 14DHCDT02	2023 - 2027	14	8.01	70	Khá	11,126,500	40%	4,450,600	
135	2025230219	Nguyễn Đức	Thắng	Lớp 14DHCDT01	2023 - 2027	14	8.02	70	Khá	10,892,800	40%	4,357,120	
136	2025230215	Châu Tiến	Thành	Lớp 14DHCDT01	2023 - 2027	14	8.14	70	Khá	11,205,000	40%	4,482,000	
137	2042231485	Hoàng Đình	Lập	Lớp 14DHKTN01	2023 - 2027	16	8.16	74	Khá	12,442,250	40%	4,976,900	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Lớp	Khoa học	Số TC	Điểm TBHT	Điểm RL	XLHB	Học phí đã đóng	Phần trăm số tiền học bổng	Số tiền	Ghi chú
138	2003230003	Nguyễn Hoàng	An	Lớp 14DHCK01	2023 - 2027	16	8.23	133	Giỏi	12,618,000	60%	7,570,800	
139	2003230128	Võ Văn Hoàng	Sơn	Lớp 14DHCK01	2023 - 2027	16	8.23	108	Giỏi	13,075,000	60%	7,845,000	
140	2025230116	Lê Nguyễn Quang	Lộc	Lớp 14DHCDT01	2023 - 2027	16	8.46	78	Khá	12,696,500	40%	5,078,600	
141	2002202049	VÕ HỮU	NĂNG	Lớp 11DHDT4	2020 -2024	22	7.03	70	Khá	13,860,000	40%	5,544,000	
142	2002202080	NGUYỄN MINH	TRÍ	Lớp 11DHDT4	2020 -2024	22	7.03	73	Khá	13,860,000	40%	5,544,000	
143	2032200201	NGUYỄN THIÊN	PHÚC	Lớp 11DHTDH1	2020 -2024	24	7.03	77	Khá	15,117,800	40%	6,047,120	
144	2032200122	NGUYỄN MẠNH	THƯƠNG	Lớp 11DHTDH2	2020 -2024	25	7.03	68	Khá	13,860,000	40%	5,544,000	
145	2032200108	HOÀNG NGUYỄN TRIỀU	DUƠNG	Lớp 11DHTDH1	2020 -2024	22	7.08	78	Khá	13,860,000	40%	5,544,000	
146	2002200227	LÊ PHÚC	TẤN	Lớp 11DHDT3	2020 -2024	26	7.12	78	Khá	16,512,000	40%	6,604,800	
147	2032207983	HOÀNG TRUNG	NAM	Lớp 11DHTDH3	2020 -2024	24	7.12	73	Khá	15,184,000	40%	6,073,600	
148	2002202074	HUỲNH CÔNG	THÁI	Lớp 11DHDT3	2020 -2024	26	7.13	70	Khá	16,820,000	40%	6,728,000	
149	2002202079	LÊ PHƯƠNG	TÍNH	Lớp 11DHDT4	2020 -2024	24	7.18	70	Khá	15,120,000	40%	6,048,000	
150	2032200044	TRẦN ĐỨC	THỊNH	Lớp 11DHTDH1	2020 -2024	22	7.21	73	Khá	13,860,000	40%	5,544,000	
151	2032207950	VÕ THẠCH	KHANG	Lớp 11DHTDH3	2020 -2024	22	7.27	75	Khá	13,860,000	40%	5,544,000	